

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a - DN

Đơn vị báo cáo : CÔNG TY CP. HTKT & XNK SAVIMEX

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ - Quận I - HCM

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III - Năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	134,941,542,092	114,769,891,152	271,183,767,888	287,733,585,734
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu			66,825,991,412	72,939,801,408	138,017,644,695	203,034,656,820
Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07)	02		11,046,720,358	-	29,167,516,764	1,882,954,545
- Giảm giá hàng bán			6,749,000	-	36,919,544	8,000,000
- Hàng bán bị trả lại			11,039,971,358	-	29,130,597,220	1,874,954,545
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		123,894,821,734	114,769,891,152	242,016,251,124	285,850,631,189
Giá vốn hàng bán	11	VI.27	107,241,118,947	91,893,533,025	205,343,970,246	234,304,377,028
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16,653,702,787	22,876,358,127	36,672,280,878	51,546,254,161
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,274,670,676	1,164,133,278	7,687,668,061	12,344,007,810
Chi phí tài chính	22	VI.28	2,033,716,828	2,374,020,531	5,568,514,879	6,380,272,887
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1,801,202,183	2,129,122,900	3,594,243,139	5,303,871,957
Chi phí bán hàng	24		1,471,292,533	1,862,672,081	4,010,855,234	4,810,795,827
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,936,101,783	9,811,340,767	30,247,919,057	34,474,979,068
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		4,487,262,319	9,992,458,026	4,532,659,769	18,224,214,189
Thu nhập khác	31		297,979,771	297,729,110	9,155,888,152	753,232,214
Chi phí khác	32		27,272,727	-	981,694,802	13,145,390
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		270,707,044	297,729,110	8,174,193,350	740,086,824
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4,757,969,363	10,290,187,136	12,706,853,119	18,964,301,013
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1,189,492,341	2,572,546,784	3,176,713,280	4,741,075,254
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	VI.30	3,568,477,022	7,717,640,352	9,530,139,839	14,223,225,759
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		375	812	1,002	1,477

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 22 tháng 10 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

maianh

[Signature]



TRƯƠNG THỊ MAI ANH

HOÀNG THỊ KIM PHƯỢNG

TRẦN VĂN TRÍ